

CÁC GIÁM MỤC MIỀN NAM TRONG TIẾN TRÌNH ĐỒNG HÀNH CÙNG DÂN TỘC

(Tiếp theo kì trước)

NGÔ QUỐC ĐÔNG^(*)

IV. NHÌN LẠI MỘT TIẾN TRÌNH CHUYỂN ĐỔI LẬP TRƯỜNG NHẬN THỨC

1. Đối với người Công giáo Việt Nam, vấn đề Dân tộc đã và sẽ luôn luôn là một vấn đề lớn. Một mặt vì ở đây không phải chỉ có vấn đề *thế giới quan* mà còn có vấn đề *tình cảm* với quê hương đất nước Việt Nam mà người Công giáo đang sống không thể làm ngơ. Đối với người Cộng sản, trong quá trình đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, cái mà Nhà nước Việt Nam quan tâm là *yêu nước* hay *không yêu nước*, là mảnh đất của cuộc đấu tranh giải phóng hiện thực này, là vấn đề đại đoàn kết tôn giáo với dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chống lợi dụng tôn giáo. Bài toán hợp tác, hòa giải Công giáo với Dân tộc sau giải phóng Miền Nam cũng là để tạo ra *năng lực phát triển* tốt đẹp cho mỗi bên.

Tổng thể các văn kiện chính thức cho thấy giai đoạn trước 1963, Giáo hội Miền Nam chưa thực sự "*năng động*" khi phải "*lãnh nhận*" các chỉ thị từ bên ngoài, từ ngoại quốc, cũng như các "di tồn" chống Cộng nặng nề của quá khứ theo tinh thần Tòa Thánh trước Công đồng Vatican II.

Điều thiết yếu nêu lên trong hai thư chung 1951 và 1960 là Cộng sản và Công giáo không có hòa giải, chỉ có mâu thuẫn. Đến *Thư chung 1973* và *Tuyên ngôn 1974*, thái độ này được thay thế bằng *trạng thái ôn hòa*. Các giám mục coi cuộc chiến tranh kéo dài những năm qua là cuộc "huynh đệ tương tàn." Đặt trong bối cảnh lịch sử những năm 1973, 1974, sự chuyển hướng này được đánh giá là "đúng mức", vì quyết định của các giám mục ảnh hưởng tới hàng triệu người Công giáo. Dĩ nhiên là có *những thôi thúc bởi hoàn cảnh*, dù vậy nó cũng phản ánh *tính năng động* của các giám mục Miền Nam sau Công đồng Vatican II.

Mặt khác, giai đoạn từ 1954 đến trước khi Công đồng Vatican II ảnh hưởng tới Miền Nam, một số giám mục dường như có khuynh hướng "tận dụng" tính ổn định tương đối của "đời sống Công giáo" cũng như của điều kiện xã hội đem lại, nên đã không kịp thời "tỉnh thức"⁽¹⁾ và "đổi mới"⁽²⁾. Tính ổn định này ít nhiều gắn với *chủ ý* ưu ái Công giáo dưới thời Đệ nhất Cộng hòa. Hàng Giáo phẩm thành lập cuối năm 1960, nhưng nhìn chung giai đoạn 1954 -1963 là giai đoạn *giao thời* của Giáo hội Công giáo Việt

*. ThS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

Nam, thực chất vẫn do các giám mục nước ngoài “thao túng”⁽³⁾. Hơn nữa, trước Công đồng Vatican II, thái độ Giáo hội hoàn vũ với Cộng sản vẫn còn khá gay gắt.

Trước 1963, các giám mục Miền Nam ở vào thế: CHIA RẼ VỚI DÂN TỘC, thể hiện qua lập trường CHỐNG CỘNG.

2. Sau Công đồng Vatican II, trong lòng Giáo hội Công giáo Miền Nam đã xuất hiện các hành động “cách mạng” qua một số trí thức và linh mục “cấp tiến”. Họ đưa ra các chương trình phản đối chiến tranh, vì hòa bình nhằm thúc đẩy một trào lưu mới trong lòng Giáo hội phát triển với thời cuộc. Hoạt động chủ yếu của những người Công giáo cấp tiến này là trên *diễn đàn công luận* và cả nhưng biểu hiện bằng *hành động dân thân* như: biểu tình, chống chiến tranh, phản đối việc bắt bớ sinh viên, v.v... Sự lựa chọn *thái độ*⁽⁴⁾ của bộ phận Công giáo này đã phải trả giá bằng chính sự yên ổn cuộc sống của họ. Một số đã bị bắt, nhiều tờ báo bị đình bản, tịch thu và phạt tiền.

Ở một khía cạnh khác, chính những trí thức Công giáo được mệnh danh là “tả khuynh”, là “thân Cộng”, là “linh mục đỏ” cũng đã biểu lộ *thái độ chưa hài lòng* lẫn đối với những thông cáo, thư chung đã được thông qua ở Hàng giáo phẩm cao cấp⁽⁵⁾. Thái độ này gắn với các phong trào “Công giáo xây dựng hòa bình”, “Công giáo và dân tộc” hay như trên các tạp chí *Đất nước, Nhịp Cầu, Trình Bày, Chọn, Đối Diện*, v.v... Và thái độ của họ ít nhiều có tác động tới lập trường của các giám mục Miền Nam⁽⁶⁾.

Những năm 1964 - 1973, các giám mục Miền Nam đã bắt đầu *suy sết* trong các tư duy và hành động của Hàng Giáo

phẩm. Họ đề cập nhiều tới sự cần thiết phải *tái lập nên hòa bình cho Việt Nam*, tới sự *đoàn kết dân tộc*, chống cảnh “huynh đệ tương tàn”, đề cập nhiều tới bất công xã hội và đặc biệt nhấn mạnh việc phải diễn tả Phúc âm theo tinh thần Công đồng Vatican II phù hợp với thực tại Việt Nam.

Thời điểm trên cũng gắn với vai trò mới của một vị giám mục Miền Nam mà tên tuổi gắn nhiều với *Thư chung 1980* sau này, đó là Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình. Ông có một quan điểm hài hòa, chú trọng tới vấn đề hòa bình, hòa giải Công giáo với Dân tộc, và đặc biệt trong những năm tháng tương tranh, ông đứng ngoài các tranh chấp phe phái tại Miền Nam, tìm ra các điểm chung của các quan điểm xung khắc để hướng tới xu thế cân bằng và hòa giải.

Cuối 1974 đầu năm 1975, Giáo hội Công giáo tại Miền Nam Việt Nam, đặc biệt là Hàng Giáo phẩm đã chủ trương các đường hướng hành động của Công giáo làm sao *đáp ứng với những đòi hỏi của thực tiễn* và phù hợp hoàn cảnh. Các thư chung, thông cáo của các giám mục Miền Nam giai đoạn này đã phản ánh rõ những *cải cách có tính điều chỉnh* “*cấu trúc*”⁽⁷⁾ và *các ứng xử truyền thống của Giáo hội* với Cộng sản mà cụ thể ở đây hiểu là Nhà nước Việt Nam, những người Cộng sản cách mạng.

Nhìn chung, từ sau Công đồng Vatican II đến trước 30/4/1975 các giám mục Miền Nam có nhiều SUY TƯ TRẦN TRỞ, các vị vẫn đề cập tới THUYẾT VÔ THÂN⁽⁸⁾, ít DẪN THÂN, nhất mạnh chủ trương KÊU GỌI hòa bình, hòa giải dân tộc⁽⁹⁾.

3. Biến cố 1975 đối với người Công giáo Miền Nam ít nhiều cũng tạo sự *đứt gãy các "cấu trúc"*⁽¹⁰⁾ vốn có của Giáo hội, đặc biệt là các "cấu trúc" văn hóa. Thực vậy! Chiến tranh và cách mạng đã làm *biến đổi* di tính liên tục các thói quen văn hóa, các thói quen sinh hoạt của đời sống Công giáo Miền Nam. Để điều chỉnh các "đứt gãy" đó, giữa Công giáo hai miền, giữa Công giáo Miền Nam và chính quyền cách mạng, giữa Hàng Giáo phẩm với giáo dân... phải có thời gian cần thiết trong *lộ trình* tiến tới thống nhất và hòa hợp hai miền Nam, Bắc. Điều này lí giải tại sao đến 1980, Hội đồng Giám mục thống nhất cả nước mới họp, và ánh sáng Phúc âm của *Thư chung 1980* mới soi rọi cộng đồng Dân Chúa.

Sự điều chỉnh những gì khác biệt với các tâm lí, thói quen truyền thống của đại bộ phận người Công giáo sẽ gây nên những *xáo trộn bước đầu*⁽¹¹⁾. Nhưng nhìn chung cục diện những năm 1975 - 1980 cho thấy các quyết định của Hàng Giáo phẩm được đa số giáo dân chấp hành.

Thư chung 1980 là kết quả của một *quá trình đổi mới mang tính chủ động* nằm trong của Giáo hội Công giáo Việt Nam kể từ Thư chung 1951 và 1960 cho đến thời điểm đó. Điều này cho thấy *Thư chung 1980* không phải là một giải pháp xu thời ứng phó mà nó thực sự là đường hướng canh tân hòa giải của Giáo hội Công giáo Việt Nam⁽¹²⁾. Ở đây Hội đồng Giám mục Việt Nam đã đặt ra lí thuyết giải quyết hai vấn đề gai góc của Công giáo với Dân tộc là: *Đồng hành cùng dân tộc và hội nhập với văn hóa dân tộc*.

Ý nghĩa quan trọng của *Thư chung 1980* là đã tạo ra những thay đổi về mặt *tư duy và hành động* của Giáo hội và đó mới là cốt lõi để Công giáo hoà nhập với dân tộc. Ở đây, Giáo hội đã nhận ra rằng chính mình là trung tâm của cuộc cải cách. Nó xuất phát từ việc Giáo hội đã nhận ra các *"giới hạn"* của mình từ trong quá khứ. Giới hạn lớn nhất cho sự hòa giải là sự đối trọng với Cộng sản - những người cách mạng Việt Nam đang phấn đấu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Giới hạn này dẫn đến Giáo hội trong kết cấu với phong trào dân tộc dường như bị phá vỡ. Hơn nữa nó tạo ra một *"tính trễ"* của Công giáo đối với các phong trào giải phóng dân tộc do người Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Đến *Thư chung 1980*, Giáo hội về mặt "lập trường" đã "trút bỏ" đi các "di sản" chống Cộng nặng nề của quá khứ và *năng động* trong việc thích hợp với bối cảnh của các điều kiện xã hội mới, trong một đất nước đã hoàn toàn độc lập. Chúng ta trở lại nhận xét gần đây nhất của một giám mục đã từng tham gia sự kiện trọng đại này - Giám mục Bùi Tuần: "Thư chung 1980 có một tầm quan trọng rất đáng kể. Bởi vì nó đã thay đổi được một não trạng không hợp thời trong Giáo hội Việt Nam lúc đó. Lúc đó, não trạng "không đội trời chung với Cộng sản" là rất phổ biến..."⁽¹³⁾.

Giai đoạn từ sau 1975 - 1980, các giám mục Miền Nam từ SUY TƯ chuyển sang DẪN THÂN PHỤC VỤ, quyết định lựa chọn đường hướng mục vụ ĐỒNG HÀNH CÙNG DÂN TỘC. Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình có *vai trò đặc biệt* trong việc kiến tạo kết quả này./.

Chú thích:

1. Theo cách diễn tả của Giám mục Bùi Tuần: “*Thánh Phaolô khuyên các mục tử hãy ân cần tình thức lo cho chính mình, để có thể lo cho giáo đoàn. Mãi miết lo cho giáo đoàn mà quên đi tình thức lo cho chính mình là điều dễ xảy ra. Tình trạng đó là mất cân đối, vừa gây hại cho giáo đoàn, vừa gây hại cho chính bản thân người mục tử*”. Xem: *Những lời già từ, tuần báo Công giáo và Dân tộc*, số 1758, tuần lễ từ 21/5 đến 27/5/2010, tr. 14.
2. Đây chỉ là cách đặt giả thuyết nguyên nhân hệ quả, nếu xét trong một Giáo hội cơ cấu tiền Công đồng Vatican II, điều này thật khó.
3. Nổi bật vai trò của Hồng y Spellman.
4. Xem: *Công giáo và Dân tộc*, Paris phát hành số 6/1971, số 9 và 10/1973. Đầu những năm 70 của thế kỷ XX, sự chuyển biến về quan niệm về Cộng sản đã được một số trí thức Công giáo và linh mục Miền Nam cũng như hải ngoại đặt ra. Chính diễn biến thực tế chính trị tại Việt Nam đã làm cho những trí thức và linh mục Công giáo này xét lại cách nhìn trong các văn kiện của Giáo hội. Có người nêu: “*Cộng sản ở Việt Nam là một thứ Cộng sản xuất phát từ hoàn cảnh thuộc địa, mang nặng tính chất đấu tranh dân tộc xã hội. Người Việt Nam đầu tiên theo Cộng sản đã hiểu Cộng sản như một lý thuyết tranh đấu giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội hơn là một chủ nghĩa, một học thuyết đơn thuần. Và Cộng sản Việt Nam khi mới xuất hiện đã tiếp tục ngay phong trào chống Pháp*”. Hay như trường hợp linh mục Trương Bá Cần viết bài phản ánh ca ngợi 25 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc khiến bị phạt và phải tịch thu các số tạp chí đã in gần đó. (*Đối diện*, số 16) và không chỉ trên diễn đàn báo chí công luận, nhóm linh mục trí thức Công giáo kể trên còn có các hoạt động đơn thân thực sự như biểu tình, diễn thuyết, đốt thẻ cử tri, một số bị chính quyền Thiệu bắt bớ, bỏ tù. Trước đó, sự cập nhật nhanh nhạy với tinh thần Công đồng Vatican II để tìm một lối diễn tả Đức tin phù hợp với dân tộc Việt Nam phải kể đến tờ “*Sống đạo*”. Chúng ta cũng thấy cả bề rộng và chiều sâu của “phái tả” trong nội bộ Công giáo Miền Nam trong những bản kiến nghị đòi hòa bình ngày 01/11/1966, trong tuyên bố của phong trào “*Công giáo xây dựng hòa bình*” ngày 20/3/1970 và trong những hành động dẫn thân cụ thể của những linh mục tham gia ủng hộ cuộc đấu tranh của công nhân hãng Pin Con ó...
5. Thấy rõ điều này qua một số bài trên tạp chí *Đối Diện, Đứng Dậy, Đông Dao* từ 1969 đến 1975. Tuy nhiên, hiện nay có quan điểm trên mạng cho rằng: *phong trào này dù gây tiếng vang nhưng hiệu quả ảnh hưởng của các phong trào này không mạnh*. Những quan điểm này xuất phát từ sự hiềm khích với nhóm “*cấp tiến*” trong quá khứ, nhằm kích động chia rẽ khối đoàn kết Công giáo với Dân tộc.
6. Năm 1967, Tổng Giám mục Huế Nguyễn Kim Điền đã tuyên bố với báo chí quốc tế ở Roma là: “*Người Cộng sản Việt Nam là anh em của tôi*”- Xem: *Nguyệt san Công giáo và Dân tộc*, số 65, tháng 5/2000, tr.17.
7. Thấy rõ nhất là các giám mục *định hướng nguyên tắc sống đạo* của giáo hữu, đặc biệt nhấn mạnh tới sự hòa hợp dân tộc (Thư luân lưu 1969) và đặc biệt định hướng Dân Chúa *chấp nhận dị biệt và chính kiến, xoá bỏ hiềm khích bất hoà*. (Tuyên ngôn 1974)
8. Thư chung 1973 và 1976 vẫn đề cập tới thuyết vô thần, đến Thư chung 1980, các giám mục không đặt vấn đề này ra nữa.
9. Phải xét trong toàn cảnh, một *thái độ ôn hoà* là cần thiết cho những người lãnh đạo Giáo hội ở một thời điểm mà *tính chất quân sự lấn át các vấn đề dân sự và đạo đức*. Điển hình thái độ này là Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình, ông đứng ngoài các tranh chấp phe phái nội bộ của Công giáo.
10. Ngoài văn hóa, thì tác động lớn nhất chính là vào các “*cấu trúc sở hữu*” của Giáo hội. Đây thực sự là vấn đề nóng, thậm chí còn tính thời sự cho tới hôm nay. Bài viết xin không đề cập, vì ngoài phạm vi nghiên cứu.
11. Thời gian này xảy ra một số vụ việc của Công giáo như vụ Vinh Sơn, Linh mục Nguyễn Văn Vàng, vụ các Dòng tu ở Thủ Đức... có làm “*xót xa*” cho người Công giáo. Các vụ này đã được xử lý thận trọng, nhanh gọn và không gây tác động xấu. Xem thêm: *Nguyệt san Công giáo và Dân tộc*, số 34, tháng 10/1997, tr. 88.
12. Xem bài trả lời phỏng vấn của Giám mục Bùi Tuần trên *Nguyệt san Công giáo và Dân tộc*, số 184, tháng 4 năm 2010, tr. 72.
13. Xem bài trả lời phỏng vấn của Giám mục Bùi Tuần trên *Nguyệt san Công giáo và Dân tộc*, số 184, tháng 04 năm 2010, tr. 74-75.